

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG HỢP

Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới phía Nam chợ Neo, thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện (sau sáp nhập thuộc xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng) đối với 11 hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi

STT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Diện tích đang sử dụng	Diện tích thu hồi			tỷ lệ %	Số khẩu	Loại đất	Số tháng ổn định	Số kg gạo/khẩu /tháng	Tổng số gạo (Kg)	Phương án bồi thường, hỗ trợ						Tổng tiền (đồng)	
				Mảnh do đặc, chính lý BDDC	Thửa	Tổng DT bị thu hồi (m2)							Bồi thường, hỗ trợ đất (đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ ổn định sản xuất (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống (đồng)	Bồi thường cây cối, vật nuôi, tài sản trên đất (đồng)	Hỗ trợ công vượt lập để trồng cây		
1	Ông Phạm Văn Sóng (đã chết) và vợ là bà Nguyễn Thị Nôn (đã chết) Bà Phạm Thị Sánh (đại diện chủ sử dụng đất)	Thôn Bát Nạo, xã Thanh Miện	1,801.0	02-2021	132	322.0	17.9	5	LUC	3	30	450	32,200,000	161,000,000	9,660,000	6,750,000	0	0	209,610,000	
2	Ông Vũ Huy Thiệu (đã chết) và vợ là bà Lê Thị Vân (đã chết) Bà Vũ Thị Anh (đại diện chủ sử dụng đất)	Thôn Bát Nạo, xã Thanh Miện	1,538.0	02-2021	51	592.0	38.5	5	LUC	6	30	900	59,200,000	296,000,000	17,760,000	13,500,000	0	0	386,460,000	
3	Phạm Thị Lan	Thôn Lê Bình, xã Thanh Miện	2,130.0	02-2021	647	168.1	7.9	2	HNK	3	30	180	16,810,000	84,050,000	5,043,000	2,700,000	10,257,000	0	0	118,860,000
4	Phạm Văn Biết	Thôn Bát Nạo, xã Thanh Miện	886.0	02-2021	646	286.0	32.3	4	HNK	6	30	720	28,600,000	143,000,000	8,580,000	10,800,000	4,810,000	0	0	195,790,000
5	Bùi Thị Lân	Thôn Bát Nạo, xã Thanh Miện	455.0	02-2021	643	455.0	100.0	8	HNK	12	30	2880	45,500,000	227,500,000	13,650,000	43,200,000	35,166,000	0	0	365,016,000
6	Hoàng Thế Đông	Thôn Bát Nạo, xã Thanh Miện	1,338.0	02-2021	656	264.0	19.7	5	LUC	3	30	450	26,400,000	132,000,000	7,920,000	6,750,000	0	0	173,070,000	
7	Hoàng Văn Bộ	Thôn Bát Nạo, xã Thanh Miện	1,012.0	02-2021	65	100.0	9.9	3	LUC	3	30	270	10,000,000	50,000,000	3,000,000	4,050,000	56,000	0	0	67,106,000
8	Đoàn Thị Thuý	Thôn Bát Nạo, xã Thanh Miện	1,215.0	02-2021	72	521.0	42.9	3	LUC	6	30	540	52,100,000	260,500,000	15,630,000	8,100,000	185,000	0	0	336,515,000
9	Phạm Xuân Khuê	Số 50 Trần Văn Cẩn, tổ 6, khu phố 5, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai.	1,274.0	02-2021	95	325.0	25.5	3	LUC	3	30	270	32,500,000	162,500,000	9,750,000	4,050,000	0	0	208,800,000	
10	Đào Thị Thu	Thôn Bát Nạo, xã Thanh Miện	1,694.0	02-2021	130	370.0	21.8	4	LUC	3	30	360	37,000,000	185,000,000	11,100,000	5,400,000	0	0	238,500,000	
11	Phạm Thị Thuý	Thôn Bát Nạo, xã Thanh Miện	2,078.0	02-2021	29; 125; 126; 148; 661; 168; 253	2078.0	100.0	2	LUC	12	30	720	207,800,000	1,039,000,000	62,340,000	10,800,000	1,674,000	0	0	1,321,614,000
Tổng cộng			15,421.0			5,481.1		44				7,740	548,110,000	2,740,550,000	164,433,000	116,100,000	52,148,000	0	0	3,621,341,000

Bảng chữ: Ba tỷ, sáu trăm hai mươi một triệu, ba trăm bốn mươi một nghìn đồng.

